

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	7- 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	14 - 26

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		7,193,052,830,927	6,427,661,280,045
I Tiền và các khoản tương đương tiền		110	IV.1	194,641,857,172	298,018,898,197
1. Tiền		111		194,641,857,172	298,018,898,197
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	IV.2	3,992,893,751,554	3,103,087,884,605
1. Chứng khoán kinh doanh		121	IV.2a	50,000,000,000	5,773,214,858
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	IV.2a	3,942,893,751,554	3,097,314,669,747
III Các khoản phải thu ngắn hạn		130		878,465,518,044	1,018,395,127,880
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	IV.3	511,155,412,343	543,675,964,625
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		131.1		507,965,204,343	540,365,756,625
1.2 Phải thu khác của khách hàng		131.2		3,190,208,000	3,310,208,000
2. Trả trước cho người bán		132	IV.4	144,135,520,253	291,052,725,019
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		13,140,000,000	13,140,000,000
5. Các khoản phải thu khác		136	IV.5	297,183,979,401	275,349,179,186
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	IV.6	(87,149,393,953)	(104,822,740,950)
IV Hàng tồn kho		140		3,288,157,407	2,025,501,719
1. Hàng tồn kho		141	IV.7	3,288,157,407	2,025,501,719
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác		150		587,128,944,525	590,322,837,710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	IV.8a	563,596,785,452	589,109,781,272
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		151.1		383,361,500,409	404,700,563,407
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác		151.2		180,235,285,043	184,409,217,865
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		21,852,008,188	633,885,783
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	IV.9	1,680,150,885	579,170,655
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
VIII Tài sản tái bảo hiểm		190		1,536,634,602,225	1,415,811,029,934
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		191	IV.18	1,037,912,080,727	894,555,566,300
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		192	IV.18	498,722,521,498	521,255,463,634

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,175,399,728,127	1,339,593,958,578
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		35,119,764,276	58,141,102,235
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		58,168,790,388	58,141,102,235
6.1	Ký quỹ bảo hiểm	216.1		8,205,144,620	8,200,000,000
6.2	Phải thu dài hạn khác	216.2		49,963,645,768	49,941,102,235
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(23,049,026,112)	-
II	Tài sản cố định	220		115,073,700,032	95,639,457,688
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	IV.10	89,565,287,808	80,843,357,432
	Nguyên giá	222		197,496,263,862	181,538,895,133
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107,930,976,054)	(100,695,537,701)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	IV.11	25,508,412,224	14,796,100,256
	Nguyên giá	228		39,147,954,304	27,342,062,486
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13,639,542,080)	(12,545,962,230)
III	Bất động sản đầu tư	230	IV.12	309,796,744,676	106,930,921,100
	Nguyên giá	231		327,110,252,494	121,103,326,188
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17,313,507,818)	(14,172,405,088)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		18,118,826,119	26,087,148,448
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	IV.13	18,118,826,119	26,087,148,448
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		661,184,471,480	1,013,624,013,328
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	IV.2b	36,059,143,258	33,838,017,073
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	IV.2c	30,129,400,000	30,129,400,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(13,343,403,745)	(13,343,403,745)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	IV.2a	608,339,331,967	963,000,000,000
VI	Tài sản dài hạn khác	260		36,106,221,544	39,171,315,779
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.8b	36,106,221,544	39,171,315,779
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4.	Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		8,368,452,559,054	7,767,255,238,623

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		6,343,739,193,130	5,746,102,401,830
I Nợ ngắn hạn		310		6,315,697,428,568	5,743,624,709,419
1. Phải trả cho người bán		311	IV.14	563,527,401,352	471,264,668,641
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>		311.1		546,733,650,051	441,239,322,902
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>		311.2		16,793,751,301	30,025,345,739
2. Người mua trả tiền trước		312	IV.15	10,334,064,009	5,164,869,408
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	IV.16	46,574,089,901	60,311,059,162
4. Phải trả người lao động		314		208,779,461,220	86,206,442,327
5. Chi phí phải trả		315		80,794,789	12,583,962,830
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1		90,114,450,962	167,917,724,858
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2		319,256,445,140	353,365,193,200
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	IV.17	160,060,920,991	104,783,927,749
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		262,304,000,000	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	110,000,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		26,838,138	29,588,138
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
13. Dự phòng nghiệp vụ		329	IV.18	4,654,638,962,066	4,371,997,273,106
13.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.1	IV.18a	3,453,175,485,574	3,126,304,107,134
13.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		319.2	IV.18a	1,136,639,380,116	1,203,186,839,531
13.3 <i>Dự phòng giao động lớn</i>		319.3	IV.18b	64,824,096,376	42,506,326,441
II Nợ dài hạn		330		28,041,764,562	2,477,692,411
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
2. Phải trả dài hạn khác		337		28,041,764,562	2,477,692,411
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		-	-
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2,024,713,365,924	2,021,152,836,793
	Vốn chủ sở hữu	410 IV.19	2,024,713,365,924	2,021,152,836,793
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	803,957,090,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	803,957,090,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	827,943,052,804	827,943,052,804
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	26,019,645,665	23,517,729,849
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	67,912,037,589	67,912,037,589
5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	295,433,653,405	294,419,361,506
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	198,967,970,295	68,420,245,270
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	96,465,683,110	225,999,116,236
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	3,447,886,461	3,403,565,045
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	8,368,452,559,054	7,767,255,238,623

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Số đầu năm

1	Tài sản thuê ngoài	-	-
2	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3	Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
4	Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh	257,207,853,695	206,322,312,802
5	Ngoại tệ các loại:	-	-
	Dollar Mỹ (USD)	142,125.05	106,787.03
	Euro (EUR)	32,171.56	31,491.51
	Bảng Anh (£)	318.23	321.53

Tổng Giám đốc



Lê Trọng Hiệp

Cao Thu Hiền



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: đồng)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		2,437,915,653,043	2,278,769,788,899
2.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		11,974,847,111	3,484,544,009
2.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11.2		-	13,142,921,069
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	V.2	106,289,364,053	87,627,704,151
4. Thu nhập khác	13		2,716,924,629	2,436,319,621
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		2,130,957,326,876	1,954,291,092,047
6.1 Giá vốn bất động sản đầu tư	21		3,886,226,800	2,068,859,742
6.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.2		-	7,805,061,326
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.3	28,597,687,607	-
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		-	-
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	V.4	277,323,903,665	278,240,811,193
9. Chi phí khác	24		336,996,129	723,832,728
10.1 Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	50.1		2,221,126,185	1,975,209,465
10.2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		120,015,773,944	146,263,491,256

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		23,550,090,834	28,883,382,811
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		96,465,683,110	117,380,108,445
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		44,321,416	58,729,261
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		96,421,361,694	117,321,379,184
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5	1,199	1,459

Người lập biểu

Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II.2021		Quý II.2020		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	V.1	1,311,696,572,307		1,454,626,619,943		2,747,709,991,913	2,886,088,436,077
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1,488,519,888,268		1,435,740,548,068		3,022,706,508,661	2,950,844,150,235
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		29,761,094,641		25,688,988,025		51,874,861,692	39,020,690,119
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		206,584,410,602		6,802,916,150		326,871,378,440	103,776,404,277
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		263,397,036,555		514,391,720,389		699,447,862,434	984,289,203,971
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		372,032,768,758		472,010,251,643		842,804,376,861	892,711,202,712
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		108,635,732,203		(42,381,468,746)		143,356,514,427	(91,578,001,259)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		1,048,299,535,752		940,234,899,554		2,048,262,129,479	1,901,799,232,106
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		225,130,403,887		235,539,467,536		389,653,523,564	376,970,556,793
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		139,442,975,559		124,962,667,808		285,629,413,671	247,582,720,016
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		85,687,428,328		110,576,799,728		104,024,109,893	129,387,836,777
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10.1		1,273,429,939,639		1,175,774,367,090		2,437,915,653,043	2,278,769,788,899
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		-		8,197,743,688		-	13,142,921,069
6. Chi bồi thường	11		609,360,156,665		520,647,609,195		1,132,864,096,072	981,997,318,834
- Tổng chi bồi thường	11.1		611,513,538,414		528,674,771,851		1,138,014,870,322	993,856,155,163
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		2,153,381,749		8,027,162,656		5,150,774,250	11,858,836,329
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		107,057,912,411		155,554,191,948		244,752,075,910	258,163,106,366

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo quá hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II.2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(63,994,461,171)	(98,065,154,929)	(166,157,933,201)
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(15,414,162,710)	(22,532,942,136)	(140,804,672,116)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		453,721,945,793	844,097,502,883	698,480,951,383
11. Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	16		11,462,482,142	9,894,217,450	20,971,536,376
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		664,642,402,756	1,264,542,054,058	1,234,838,604,288
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		164,487,810,271	336,818,724,091	334,017,870,003
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		500,154,592,485	927,723,329,967	900,820,734,285
13.1 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18.1		1,129,826,830,691	2,130,957,326,876	1,954,291,092,047
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2		-	5,216,498,793	7,805,061,326
14.1 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19.1		143,603,108,948	148,999,468,821	324,478,696,852
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	19.2		-	2,981,244,895	5,337,859,743
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		9,145,199,356	486,661,250	3,484,544,009
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		3,478,843,654	1,058,491,821	2,068,859,742
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22		5,666,355,702	(571,830,571)	1,415,684,267
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	V.2	18,219,456,578	17,140,000,329	87,627,704,151
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	V.3	14,309,518,066	(32,446,157,202)	(1,956,661,078)
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		3,909,938,512	49,586,157,531	89,584,365,229
21. Chi phí bán hàng	26.1		-	77,691,676,446	-
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	V.4	120,401,003,092	-	-
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		32,778,400,070	277,323,903,665	278,240,811,193
				115,414,719,259	142,575,794,898

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý II.2021	Quý II.2020	Năm nay Năm trước
23.	31	Thu nhập khác		646,247,251	495,593,358	2,716,924,629 2,436,319,621
24.	32	Chi phí khác		310,962,909	36,417,334	336,996,129 723,832,728
25.	40	Lợi nhuận khác (40=31-32)		335,284,342	459,176,024	2,379,928,500 1,712,486,893
25.	41	Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết		1,963,900,857	85,558,779	2,221,126,185 1,975,209,465
26.	50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		35,077,585,269	87,701,207,661	120,015,773,944 146,263,491,256
27.	51	Chi phí thuế TNDN hiện hành		6,617,536,701	17,586,132,410	23,550,090,834 28,883,382,811
28.	52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	- -
29.	60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		28,460,048,568	70,115,075,251	96,465,683,110 117,380,108,445
37.	60.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		26,000,909	34,325,416	44,321,416 58,729,261
38.	60.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		28,434,047,659	70,080,749,835	96,421,361,694 117,321,379,184
30.	70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	V.5	-	-	1,199 1,459

Người lập biểu



Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		120,015,773,944	146,263,491,256
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		11,470,120,933	3,549,700,330
- Các khoản dự phòng	03		167,193,795,784	113,631,939,802
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(65,626,729,432)	(61,841,473,140)
- Chi phí lãi vay	06		854,503,431	549,334,656
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		233,907,464,661	202,152,992,904
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		110,203,342,009	(10,613,554,646)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,262,655,688)	1,584,669,016
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		38,884,729,554	89,438,840,149
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		28,578,090,055	(46,863,308,386)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(44,226,785,142)	59,522,131,664
- Tiền lãi vay đã trả	14		(854,503,431)	(549,334,656)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27,132,380,596)	(13,555,295,611)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2,750,000)	14,500,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		5,003,831,632	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		343,098,383,054	281,131,640,434
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(225,801,864,524)	551,454,748
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,038,922,523,363)	(854,889,112,293)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		548,004,109,589	523,339,112,293
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(2,221,126,185)	20,309,878,274
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90,679,553,468	18,947,042,307
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(628,261,851,016)	(291,741,624,671)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		262,304,000,000	83,670,552,298
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1,197,242,189)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(80,517,573,063)	440,377,810
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		181,786,426,937	82,913,687,919
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(103,377,041,025)	(15,397,503,979)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	298,018,898,197	118,142,382,645
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	194,641,857,172	102,744,878,666

Người lập biểu



Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2021

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

QUÝ II BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán bất động sản và dịch vụ khác	95,32%	95,32%	95,32%	95,32%

5b. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 Tổng Công ty có 2.499 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.429 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6,578,135,803	6,211,818,530
Tiền gửi ngân hàng	187,836,721,369	274,515,925,667
Tiền đang chuyển	227,000,000	17,291,154,000
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	-	-
Cộng	<u>194,641,857,172</u>	<u>298,018,898,197</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	50,000,000,000	50,000,000,000	5,773,214,858	5,773,214,858
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4,551,233,083,521	4,543,889,083,521	4,060,314,669,747	4,052,970,669,747
<i>Ngắn hạn</i>	3,942,893,751,554	3,942,893,751,554	3,097,314,669,747	3,097,314,669,747
Tiền gửi có kỳ hạn	3,842,893,751,554	3,842,893,751,554	2,997,314,669,747	2,997,314,669,747
Đầu tư trái phiếu	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
<i>Dài hạn</i>	608,339,331,967	600,995,331,967	963,000,000,000	955,656,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	378,000,000,000	378,000,000,000	755,000,000,000	755,000,000,000
Đầu tư trái phiếu	222,339,331,967	222,339,331,967	200,000,000,000	200,000,000,000
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	8,000,000,000	656,000,000	8,000,000,000	656,000,000
Cộng	4,601,233,083,521	4,593,889,083,521	4,066,087,884,605	4,058,743,884,605

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽¹⁾	20,152,200,000	(4,110,351,940)	16,041,848,060	20,152,200,000	(4,110,351,940)	16,041,848,060
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ⁽²⁾	14,292,700,000	-	14,292,700,000	14,292,700,000	-	14,292,700,000
Cộng	34,444,900,000	(4,110,351,940)	30,334,548,060	34,444,900,000	(4,110,351,940)	30,334,548,060

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(1)	17,661,307,434	2,836,475,674	-	-	20,497,783,108
(2)	16,176,709,639	580,455,506	-	(1,195,804,995)	15,561,360,150
Cộng	33,838,017,073	3,416,931,180	-	(1,195,804,995)	36,059,143,258

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Ut Xi	15,000,000,000	5,999,403,745	15,000,000,000	5,999,403,745
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5,699,400,000	-	5,699,400,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Cộng	30,129,400,000	5,999,403,745	30,129,400,000	5,999,403,745

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	348,626,789,427	369,497,986,705
Phải thu về tái bảo hiểm	159,338,414,916	170,867,769,920
Phải thu khách hàng khác	3,190,208,000	3,310,208,000
Cộng	511,155,412,343	543,675,964,625

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	125,777,115,275	107,207,718,750
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	1,103,942,031	836,751,977
Trả trước cho nhà cung cấp khác	17,254,462,947	183,008,254,292
Cộng	144,135,520,253	291,052,725,019

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	185,150,921,422	210,203,745,458
Phải thu lại tiền bồi thường đã chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do toà án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5,614,181,754	5,614,181,754
Tạm ứng hoa hồng đại lý	18,000,000,000	22,312,932,836
Tạm ứng kinh doanh	52,207,420,521	13,601,079,747
Ký quỹ	7,467,493,423	6,541,684,562
Các khoản phải thu khác	28,743,962,281	17,075,554,829
Cộng	297,183,979,401	275,349,179,186

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	104,822,740,950	48,478,832,867
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	5,375,679,115	60,088,410,321
Sử dụng dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(477,799,342)
Giảm khác	(23,049,026,112)	(3,266,702,896)
Số cuối kỳ	87,149,393,953	104,822,740,950

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1,978,275,196	1,470,610,329
Công cụ, dụng cụ	1,132,424,211	399,201,390
Hàng hóa	177,458,000	155,690,000
Cộng	3,288,157,407	2,025,501,719

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Năm trước
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	383,361,500,409	404,700,563,407
Chi phí kinh doanh chờ phân bổ	179,492,892,125	184,363,217,865
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	742,392,918	46,000,000
Cộng	563,596,785,452	589,109,781,272

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	404,700,563,407	392,345,860,078
Số phát sinh trong kỳ	315,479,661,093	681,899,837,292
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(336,818,724,091)	(669,545,133,963)
Số dư cuối kỳ	383,361,500,409	404,700,563,407

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	3,215,528,408	4,302,645,026
Chi phí thuê nhà	7,192,758,449	4,856,862,306
Chi phí phát triển đại lý	357,434,964	294,392,219
Các khoản chi phí khác	25,340,499,723	29,717,416,228
Cộng	36,106,221,544	39,171,315,779

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	801,988	2,746,480
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1,661,545,594	564,620,872
Thuế khác	17,803,303	11,803,303
Cộng	1,680,150,885	579,170,655

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21,995,579,410	237,270,000	118,615,923,312	40,690,122,411	181,538,895,133
Mua sắm mới trong năm	-	-	10,581,333,183	5,950,364,546	16,531,697,729
Giảm do Thanh lý nhượng bán	-	-	(532,449,000)	(41,880,000)	(574,329,000)
Số cuối kỳ	21,995,579,410	237,270,000	128,664,807,495	46,598,606,957	197,496,263,862
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4,022,286,099	156,655,876	68,550,484,721	27,966,111,005	100,695,537,701
Khấu hao trong năm	346,159,303	34,075,638	4,668,794,558	2,760,737,853	7,809,767,352
Giảm do Thanh lý nhượng bán	-	-	(532,449,000)	(41,880,000)	(574,329,000)
Số cuối kỳ	4,368,445,402	190,731,514	72,686,830,280	30,684,968,858	107,930,976,054
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17,973,293,311	80,614,124	50,065,438,591	12,724,011,406	80,843,357,432
Số cuối kỳ	17,627,134,008	46,538,486	55,977,977,216	15,913,638,099	89,565,287,808

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11,477,276,800	15,864,785,686	27,342,062,486
Tăng trong kỳ	7,703,941,818	4,101,950,000	11,805,891,818
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	19,181,218,618	19,966,735,686	39,147,954,304
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	12,545,962,230	12,545,962,230
Khấu hao trong kỳ	-	1,093,579,850	1,093,579,850
Thanh lý nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	13,639,542,080	13,639,542,080
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11,477,276,800	3,318,823,456	14,796,100,256
Số cuối kỳ	19,181,218,618	6,327,193,606	25,508,412,224

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	121,103,326,188	121,103,326,188
Tăng do XDCB hoàn thành	-	218,040,372,852	218,040,372,852
Thanh lý nhượng bán	-	(12,033,446,546)	(12,033,446,546)
Số cuối kỳ	-	327,110,252,494	327,110,252,494
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	14,172,405,088	14,172,405,088
Khấu hao trong kỳ	-	3,636,683,077	3,636,683,077
Thanh lý nhượng bán	-	(495,580,347)	(495,580,347)
Số cuối kỳ	-	17,313,507,818	17,313,507,818
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	106,930,921,100	106,930,921,100
Số cuối kỳ	-	309,796,744,676	309,796,744,676

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	16,289,922,329	253,595,906,147	238,125,202,852	23,439,025,624	8,321,600,000
XDCB dở dang	9,797,226,119	-	-	-	9,797,226,119
Cộng	26,087,148,448	253,595,906,147	238,125,202,852	23,439,025,624	18,118,826,119

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	208,705,365,108	165,745,617,292
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	331,556,814,303	261,239,702,159
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	6,471,470,640	14,254,003,451
Phải trả cho nhà cung cấp khác	16,793,751,301	30,025,345,739
Cộng	563,527,401,352	471,264,668,641

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	10,334,064,009	5,164,869,408
Người mua trả tiền trước khác	-	-
Cộng	10,334,064,009	5,164,869,408

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	22,695,719,743	28,493,639,383
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17,401,697,606	20,515,572,973
Thuế thu nhập cá nhân	6,248,216,501	11,064,251,720
Thuế khác	228,456,051	237,595,086
Cộng	46,574,089,901	60,311,059,162

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	695,437,365	395,317,365
Kinh phí công đoàn	6,643,942,604	5,462,920,349
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	90,463,485,472	10,309,046,235
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7,904,000	20,735,736
Thuế nhà thầu tạm giữ	40,155,344	2,725,779,722
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	22,870,337,913	18,269,196,554
Thu phí bảo hiểm chưa đối chiếu	26,094,021,657	26,297,991,663
Các khoản khác	13,245,636,635	41,302,940,125
Cộng	160,060,920,991	104,783,927,749

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
1. Dự phòng bồi thường	1,136,639,380,116	498,722,521,498	637,916,858,618	1,203,186,839,531	521,255,463,634	681,931,375,897
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	995,494,600,546	461,429,775,335	534,064,825,211	1,082,042,059,961	483,962,717,471	598,079,342,490
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	141,144,779,570	37,292,746,163	103,852,033,407	121,144,779,570	37,292,746,163	83,852,033,407
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	3,453,175,485,574	1,037,912,080,727	2,415,263,404,847	3,126,304,107,134	894,555,566,300	2,231,748,540,834
Cộng	4,589,814,865,690	1,536,634,602,225	3,053,180,263,465	4,329,490,946,665	1,415,811,029,934	2,913,679,916,731
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1,203,186,839,531	521,255,463,634	681,931,375,897	1,161,842,936,713	609,646,277,303	552,196,659,410
Số trích lập trong kỳ	(66,547,459,415)	(22,532,942,136)	(44,014,517,279)	41,343,902,818	(88,390,813,669)	129,734,716,487
Số dư cuối kỳ	1,136,639,380,116	498,722,521,498	637,916,858,618	1,203,186,839,531	521,255,463,634	681,931,375,897
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	3,126,304,107,134	894,555,566,300	2,231,748,540,834	3,160,260,976,999	1,373,748,583,697	1,786,512,393,302
Số trích lập trong kỳ	326,871,378,440	143,356,514,427	183,514,864,013	(33,956,869,865)	(479,193,017,397)	445,236,147,532
Số dư cuối kỳ	3,453,175,485,574	1,037,912,080,727	2,415,263,404,847	3,126,304,107,134	894,555,566,300	2,231,748,540,834

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Dự phòng giao động lớn

	Kỳ này	Năm trước
Số dư đầu năm	42,506,326,441	103,775,184,431
Số trích lập thêm trong kỳ	22,317,769,935	44,022,584,353
Số sử dụng trong kỳ	-	(105,291,442,343)
Số dư cuối kỳ	64,824,096,376	42,506,326,441

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	22,927,850,857	55,402,458,511	151,901,227,577	5,430,777,908	1,867,562,457,657
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	240,096,398,819	(949,935,826)	239,146,462,993
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	1,103,538,992	12,509,579,078	(13,613,118,070)	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(80,395,709,000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(1,103,538,992)	-	(80,395,709,000)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1,103,538,992)	-	(1,103,538,992)
Trích quỹ khen thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(2,207,077,983)	-	(1,103,538,992)
Lợi ích sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(2,207,077,983)
Tăng khác do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	(513,660,000)	-	844,718,147	(1,077,277,037)	(746,218,890)
Số dư cuối năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	23,517,729,849	67,912,037,589	294,419,361,506	3,403,565,045	2,021,152,836,793
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	23,517,729,849	67,912,037,589	294,419,361,506	3,403,565,045	2,021,152,836,793
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	96,421,361,694	44,321,416	96,465,683,110
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	2,501,915,816	-	(2,501,915,816)	-	-
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	(80,395,709,000)	-	(80,395,709,000)
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2,501,915,817)	-	(2,501,915,817)
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(5,003,831,631)	-	(5,003,831,631)
Trích quỹ khen thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(5,003,831,631)	-	(5,003,831,631)
Tăng khác	-	-	-	-	134,100	-	134,100
Số dư cuối kỳ này	803,957,090,000	827,943,052,804	26,019,645,665	67,912,037,589	295,433,653,405	3,447,886,461	2,024,713,365,924

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80,400,000	80,400,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80,395,709	80,395,709
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80,395,709	80,395,709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bảo hiểm gốc	3,063,862,208,269	2,991,225,911,559
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(41,155,699,608)	(40,381,761,324)
Phí nhận tái bảo hiểm	52,988,704,187	40,447,066,322
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(1,113,842,495)	(1,426,376,203)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(326,871,378,440)	(103,776,404,277)
Doanh thu thuần	2,747,709,991,913	2,886,088,436,077

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	78,042,080,423	71,318,445,957
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	83,321,570	94,247,211
Lãi kinh doanh chứng khoán	26,654,807,110	9,010,524,830
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,507,664,706	1,432,813,271
Lãi đầu tư dài hạn	71,125	4,587,986,386
Các khoản khác	1,419,119	1,183,686,497
Cộng	106,289,364,053	87,627,704,151

3. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	2,454,249,054	2,536,114,401
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,337,929,283	1,951,070,066
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(131,079,825,960)
Lỗ kinh doanh chứng khoán	15,372,474,331	124,538,816,538
Chi phí tài chính khác	9,433,034,939	97,163,877
Cộng	28,597,687,607	(1,956,661,078)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	117,718,760,295	121,662,518,274
Chi phí nguyên liệu vật liệu	10,425,376,844	11,763,727,626
Chi phí dụng cụ quản lý	5,681,328,552	6,355,214,595
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8,307,481,198	8,122,138,713
Thuế phí và lệ phí	11,481,137,963	11,181,927,563
Chi phí dự phòng	5,375,679,115	989,208,974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51,929,358,316	48,649,025,342
Chi phí khác bằng tiền	66,404,781,381	69,517,050,106
Cộng	<u>277,323,903,665</u>	<u>278,240,811,193</u>

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	96,421,361,694	117,321,379,184
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	96,421,361,694	117,321,379,184
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	80,395,709	80,395,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1,199</u>	<u>1,459</u>

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu



Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu